

Bản án số: 397/2018/DSST.

Ngày: 14/9/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khương.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền, cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 678/2017/TLST-DS, ngày 28/11/2017, về “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2018/QĐST-DS ngày 14/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 305/2018/QĐST - HPT ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH Một thành viên H.

Địa chỉ: đường Đ, phường B, Quận M, Tp.HCM.

Đại diện ủy quyền: Ông Huỳnh Công D và bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: đường T, Phường T, quận P, Tp.HCM; (*Có mặt*);

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý Trung D, luật sư Công ty luật hợp danh N & C thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ; (*Có mặt*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm: 1970; địa chỉ: đường K, Phường B, quận G, Tp.HCM; (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TNHH một thành viên H ông D trình bày: Ngày 20/8/2008 ông Nguyễn Phước Đ có đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, loại thẻ visa gold số thẻ là 4450940000043947,

thời hạn sử dụng thẻ 04 năm. Sau đó do thẻ bị hư nên đổi lại số thẻ là 4450940000139901. Việc sử dụng thẻ của ông Đ sẽ tuân theo bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 23/8/2012 ông Đ có đơn yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ và hạng thẻ tín dụng ngân hàng được ngân hàng tăng hạn mức lên 202.500.000 đồng và chuyển đổi từ thẻ visagold sang loại thẻ visa platinum với số thẻ là 4378410000045176.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.324.373.839 đồng. Trong quá trình từ ngày kích hoạt sử dụng thẻ ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.246.957.370 đồng. Tính đến ngày 29/8/2017 ông Đ còn nợ số tiền gốc là 200.614.225 đồng và nợ lãi và phí là 16.019.313 đồng. Tổng cộng là 216.633.538 đồng. Sau đó, ông Đ không trả nữa Ngân hàng đã nhắc nhở, khởi kiện thì ngày 02/5/2018 ông Đ đến ngân hàng trả số tiền 5.000.000 đồng nên số tiền gốc từ 200.614.225 đồng giảm xuống còn 195.614.225 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu buộc ông Đ phải trả số tiền gốc còn lại là 195.614.225 đồng, tiền lãi là 71.521.217 đồng, phí là 6.091.187 đồng. Tổng cộng là 273.226.629 đồng tính đến ngày 14/9/2018, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Đ chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử, ông Đ phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Phía bị đơn, ông Đ đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào đơn mở thẻ tín dụng của ông Đ tại Ngân hàng, đơn yêu cầu thay đổi hạn mức của ông Đ, bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Ông Nguyễn Phước Đ có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TNHH một thành viên H vào ngày 20/8/2008, với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng, do đó có cơ sở xác định giữa ông Đ và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự như qui định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên quan hệ tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp hợp đồng thẻ tín

dụng”. Ông Đ cư ngụ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đúng theo qui định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng TNHH một thành viên H buộc ông Nguyễn Phước Đ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại là 273.226.629 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đ có đơn đăng ký thẻ tín dụng và đơn yêu cầu tăng hạn mức sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng. Như vậy giữa ngân hàng và ông Đ có giao dịch về thẻ tín dụng. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ nhưng ông Đ không đến tòa để trình bày ý kiến của mình, do đó căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định từ ngày 14/9/2018 ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 195.614.225 đồng, tiền lãi tính từ ngày 21/8/2008 đến ngày 15/10/2017 là 21.759.102 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/10/2018 đến ngày 14/9/2018 là 49.762.115 đồng, tiền phí 6.091.187 đồng. Tổng cộng 273.226.629 đồng. Căn cứ đơn yêu cầu đăng ký thẻ tín dụng ngày 20/8/2008, đơn yêu cầu thay đổi hạn mức thẻ và hạng thẻ tín dụng ngày 23/8/2012 và bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với phần trình bày của luật sư được Hội đồng xét xử chấp nhận do phù hợp với chứng cứ và tình tiết trong vụ án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của của Ngân hàng TNHH Một thành viên H được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.661.331 đồng, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TNHH Một thành viên H.

Ông Nguyễn Phước Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H số tiền gốc là 195.614.225 đồng, tiền lãi 71.521.217 đồng, nợ phí là 6.091.187

đồng. Tổng cộng là 273.226.629 (hai trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi chín) đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15/9/2018, ông Đ còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 13.661.331 (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn ba trăm ba mươi một) đồng ông Đ chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.415.838 (năm triệu bốn trăm mười lăm ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0028048 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM.
- VKSNDQGV;
- CCTHAQGV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu